

**TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST.

Ngày: 19 - 02 - 2021.

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng, ông Phạm Ngọc Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 32/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST – DS ngày 03 tháng 02 năm 2021 đối với các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Th – Chức vụ: Giám đốc.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Chiến Th - Chức vụ: Phó Giám đốc.

(Quyết định ủy quyền số 4716/QĐ – NHCS ngày 25/11/2016 và Giấy ủy quyền ngày 08/7/2020)

Địa chỉ: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V – Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

2 - Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu 3, Thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, bản tự khai ngày 29/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Phạm Chiến Th trình bày:

Ngày 15/4/2014 bà Nguyễn Thị H đã làm đơn xin vay vốn chương trình cho vay hộ nghèo để chăn nuôi bò theo quy định của nhà nước với số tiền đề nghị xin vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời hạn 36 tháng và đã được Ngân hàng chính sách xã hội phê duyệt cho vay. Bà H đã nhận tiền vay từ Ngân hàng chính sách xã hội với số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 25/4/2014. Lãi suất là 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ 10.000.000 đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 25/4/2017. Lãi tiền vay được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Đến hạn chưa trả được nợ, bà H đã làm đơn xin gia hạn nợ 15 tháng và đã được Ngân hàng chính sách xã hội gia hạn nợ đến ngày 16/10/2018.

Ngày 18/10/2017, bà H đã trả được 3.000.000 đồng, ngày 16/01/2018 bà H trả được 2.000.000 đồng, sau đó bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nữa. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 16/10/2018, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V đã chuyển toàn bộ số tiền nợ 25.000.000 đồng sang nợ quá hạn với lãi suất phạt bằng 130% lãi suất khi cho vay. Từ khi chuyển sang nợ quá hạn Ngân hàng đã thường xuyên phối hợp cùng UBND và Hội nông dân thị trấn V giải thích, động viên bà H trả nợ. Đến ngày 18/10/2018, bà H trả được 5.000.000 đồng, sau đó bà H có tình không trả nữa. Như vậy, bà Nguyễn Thị H đã cố tình vi phạm hợp đồng tín dụng vay vốn chương trình cho vay hộ nghèo, không thực hiện đúng cam kết cũng như nghĩa vụ trả nợ cho Nhà nước nên Ngân hàng chính sách xã hội đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ gốc còn lại cũng như tiền lãi phát sinh theo như hợp đồng đã ký kết cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết ngày 28/7/2020, bà H trả được 5.000.000 đồng, đến ngày 12/11/2020 bà H tiếp tục trả được 1.099.000 đồng, từ đó đến nay bà H không trả nợ nữa.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của bà Nguyễn Thị H.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/12/2020, Công an thị trấn V, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nơi bà Nguyễn Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Từ trước đến tháng 9/2020 bà H cư trú, sinh sống tại địa phương, từ tháng 10/2020 đến nay bà H đi làm ăn xa hiện nay không có mặt tại địa phương, nhưng

bà H thỉnh thoảng vẫn về nhà tại khu 3, thị trấn V. Bà H không thuộc đối tượng phải khai báo tạm vắng nên hiện nay Công an thị trấn V không biết bà H đang làm gì, ở đâu.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc đã vay còn lại là 13.901.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm lẻ một nghìn) và tiền lãi phát sinh chưa trả tính đến ngày xét xử (19/02/2021) theo mức lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay (0,65%/tháng) là 1.272.363 đồng và tiền lãi phát sinh theo khế ước mà hai bên đã ký kết cho đến khi trả nợ xong.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả đầy đủ số tiền nợ gốc còn lại là 13.901.000 đồng và tiền lãi phát sinh chưa trả tính đến ngày xét xử (19/02/2021) theo mức lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay (0,65%/tháng) là 1.272.363 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo ngày xét xử theo khế ước mà hai bên đã ký kết cho đến khi trả nợ xong.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh. Bà Nguyễn Thị H cư trú tại khu 3, thị trấn V, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị H không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại Công an thị trấn V, huyện Vĩnh Lộc bà H có hộ khẩu thường trú tại địa phương, bà Nguyễn Thị H tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án có mặt tại địa phương, sau đó đi làm ăn xa

nhưng vẫn thường xuyên về địa phương, điều đó chứng tỏ bà H cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Bà H đi không khai báo cho chính quyền địa phương, địa phương không biết bà H đang làm gì và ở đâu. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là khu 3, thị trấn V, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Nguyễn Thị H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng: Giao dịch dân sự ngày 25/4/2014 giữa ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và bà Nguyễn Thị H được thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nhưng giao dịch này đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp. Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào sổ vay vốn cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Ngày 25/4/2014 bà Nguyễn Thị H đã vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện Vĩnh Lộc số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Lãi suất là 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ 10.000.000 đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 25/4/2017. Lãi tiền vay được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Đến hạn chưa trả được nợ, bà H đã làm đơn xin gia hạn nợ 15 tháng và đã được Ngân hàng chính sách xã hội gia hạn nợ đến ngày 16/10/2018 nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ đúng như cam kết. Nay đã quá thời hạn cho vay và thu hồi gốc, lãi nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị H không thanh toán tiền gốc và lãi theo khế ước vay tiền với Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng

chính sách xã hội khởi kiện bà H ra Tòa án để thu hồi tiền vốn vay và lãi để đảm bảo nguồn vốn vay nhằm thực hiện chính sách cho vay đối với các đối tượng chính sách xã hội theo chủ trương của Nhà nước tại địa phương.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H, yêu cầu thanh toán số tiền gốc đã vay còn lại là 13.901.000 đồng và tiền lãi phát sinh chưa trả tính đến ngày xét xử (19/02/2021) theo mức lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay (0,65%/tháng) là 1.272.363 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo ngày xét xử theo khế ước mà hai bên đã ký kết cho đến khi trả nợ xong. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn nộp cho Tòa án như sổ vay vốn, mã khách hàng 7056527679, Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ người vay bà Nguyễn Thị H; Giấy đề nghị vay vốn, kiêm phương án sử dụng vốn vay đã được Tòa án công khai chứng cứ và bị đơn bà Nguyễn Thị H không có ý kiến gì phản đối các tài liệu, chứng cứ nêu trên của nguyên đơn nộp cho Tòa án. Trong quá trình Tòa án giải quyết ngày 28/7/2020, bà H trả được 5.000.000 đồng, đến ngày 12/11/2020 bà H tiếp tục trả được 1.099.000 đồng nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử, có đủ căn cứ xác định bị đơn bà Nguyễn Thị H có vay của Ngân hàng chính sách xã hội - phòng giao dịch huyện V số tiền vốn vay 30.000.000 đồng vào ngày 25/4/2014. Tính đến ngày xét xử (19/02/2021) bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 13.901.000 đồng và tiền lãi phát sinh chưa trả theo mức lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay (0,65%/tháng) là 1.272.363 đồng.

Do bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như khế ước mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết nên Ngân hàng sách xã hội khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả số tiền gốc còn lại và tiền lãi phát sinh chưa trả theo mức lãi suất quá hạn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468,

Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc còn lại là 13.901.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng) và 1.272.363 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng) tiền lãi. Tổng số tiền cả gốc và lãi phải trả là: 15.173.363 đồng (Mười lăm triệu một trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày 20/02/2021 bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong khế ước vay vốn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp 758.668 đồng (Bảy trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang